

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2025/HS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Kiên

Bà Đỗ Thị Luyến

Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 09 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị N; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày 14/12/1970, tại tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 02/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn C (đã chết) và bà Lò Thị P (đã chết); Có chồng: Lò Văn N1, sinh năm 1970 và 02 con, con thứ nhất sinh năm 1992, con thứ hai sinh năm 1994; Tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 30/9/1998 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên (nay là Toà án nhân dân khu vực 2) tuyên phạt Lò Thị N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm 30/9/1998 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 183 c, Điều 44 Bộ luật hình sự. Ngày 24/7/2003 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên (nay là Toà án nhân dân khu vực 2) tuyên phạt Lò Thị N 28 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1, khoản 5 Điều 194/BLHS, điểm p, khoản 1 Điều 46/BLHS, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Ngày 16/9/2003 bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (cũ) xét xử phúc thẩm xử Lò Thị N 28 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy (y án sơ thẩm). Ngày 29/02/2004, Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, thời hạn 12 tháng từ ngày 20/02/2004 đến

20/02/2005. Ngày 22/10/2004 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên (nay là Toà án nhân dân khu vực 2) tuyên phạt Lò Thị N 36 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cộng hình phạt của bản án số 96/HSPT ngày 16/9/2003 mà bị cáo chưa thi hành là 16 tháng 11 ngày. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 52 tháng 11 ngày. Theo quy định khoản 1 Điều 194/BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51/BLHS. Năm 2008 chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo đã được xoá án tích. Ngày 27/11/2015 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên (nay là Toà án nhân dân khu vực 2) xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, **Điều 53/BKHS**. Năm 2018 chấp hành xong án phạt tù, bị cáo đã được xoá án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025, bị tạm giam từ ngày 16/5/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lường Văn T, tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày 03/12/1969, tại Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản P, xã T, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn Á (đã chết) và bà Lường Thị K, sinh năm 1944; có vợ: Điều Thị T1, sinh năm 1973 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: Ngày 27/8/1997 bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (cũ) xử phạt 19 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 3 Điều 96a và khoản 2,3 Điều 100 Bộ luật hình sự. Ngày 29/9/1999 Toà phúc thẩm Toà án nhân dân Tối Cao xử Lường Văn Tiên 19 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (y án sơ thẩm). Ngày 01/9/2009 chấp hành xong án phạt tù. Ngày 29/11/2011 bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa được xoá án tích. Tiền sự: Không. Nhân thân: Đã bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/5/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị N*: Bà Lê Thị X, Luật sư thuộc văn phòng L, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T*: Ông Trịnh Ngọc M, Luật sư thuộc Văn phòng L1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 5/2025, Lò Thị N một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 27B1-509.22 đi từ chợ B về đến đoạn đường Quốc lộ 279 gần ngã ba rẽ vào bản C, xã T, tỉnh Điện Biên (nay là bản C, xã T, tỉnh Điện Biên) gặp một người đàn ông N quen biết từ trước, tên C1, N không biết địa chỉ cụ thể của C1 ở đâu đang đứng một mình ở lề đường, C1 gọi N dừng lại và bảo N tìm mua cho C1 01 bánh ma túy Methamphetamine, nếu tìm được

thì mang bánh Methamphetamine đó đến khu vực cầu A (cầu T) rồi gọi điện thoại cho C1, C1 sẽ bảo người đến nhận bánh ma túy M1 và trả tiền mua 01 bánh ma túy Methamphetamine là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), N đồng ý. Sáng ngày 12/5/2025, N điều khiển xe máy đi đến gặp Lương Văn T là thông gia với gia đình N (con trai của N lấy con gái của T) tại nhà của T ở bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên). N nói cho T biết là có một người khách đặt mua 01 bánh ma túy Methamphetamine với giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và bảo T đi tìm mua 01 bánh ma túy Methamphetamine mang về đưa cho N đem đi bán, được tiền lãi hai người chia đôi, Tiên đồng ý.

Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T điện thoại cho một người đàn ông sinh sống bên Lào, do trước đây T quen biết một người đàn ông tên là C2 đã cho số điện thoại, T đặt vấn đề mua 01 bánh ma túy Methamphetamine, người đàn ông đồng ý và thống nhất giá 01 bánh ma túy Methamphetamine là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Do T chưa có tiền nên người đàn ông đồng ý bán nợ ma túy, hẹn khi nào T bán được ma túy có tiền sẽ mang trả cho người đàn ông trả. Đồng thời, người đàn ông bán ma túy cho biết vẫn còn 01 bánh ma túy Heroine bán với giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 01 bánh ma túy Methamphetamine bán với 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), người đàn ông hỏi T có mua thêm không? Tiên đồng ý. Chiều tối ngày 13/5/2025, T đang ở nhà thì nhận được điện thoại của người đàn ông tên là C2, thông báo cho T biết đã có 01 bánh ma túy Heroine và 02 bánh ma túy Methamphetamine và bảo T đến gặp C2 để lấy ma túy, T bảo không đi được và hẹn C2 lúc nào đi lấy ma túy được thì sẽ báo sau. Tối ngày 13/5/2025, T gọi điện thoại cho C2 hẹn sáng ngày 14/5/2025 gặp nhau để giao nhận ma túy, C2 đồng ý và bảo T cứ đi theo đường bãi rác dọc bờ suối thuộc bản N, xã S (xã P cũ), tỉnh Điện Biên khoảng 5km thì sẽ gặp C2, Tiên đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 14/5/2025, T một mình điều khiển xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 27N1-031.80 đi từ nhà đến khu vực bản N và dựng xe máy ở bờ suối rồi đi bộ ngược dòng suối. Đi được khoảng 5km T gặp C2 đang ngồi một mình ở cạnh bờ suối. C2 cho biết đã được người đàn ông bán ma túy đưa cho 03 bánh ma túy (gồm 01 bánh Heroine và 02 bánh Methamphetamine) để mang cho T, rồi C2 đi ra chỗ bụi cây cách chỗ T đứng khoảng 5m lấy ma túy đưa cho T 01 túi nilon màu xanh lá cây, bên trong có 02 bánh ma túy Methamphetamine và 01 bánh ma túy Heroine. Nhận được ma túy, T cất ma túy vào chiếc túi tự chế từ vỏ bao sặc rằn đeo trên người đi bộ về chỗ dựng xe máy và điều khiển xe đi về nhà. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày T về đến nhà, thấy không có ai ở nhà nên T đã mang chiếc túi tự chế chứa 03 bánh ma túy đi vào một buồng ngủ bỏ trống ở dưới gầm nhà sàn. Tại đây, T lấy túi nilon màu xanh lá cây chứa 03 bánh ma túy ra, lấy 01 bánh ma túy Methamphetamine ra khỏi túi nilon màu xanh ban đầu cho vào 01 túi nilon màu đỏ; rồi tiếp tục lấy bánh ma túy Heroine ra ngoài và dùng con dao có đầu nhọn, dài khoảng 20cm khoét một lỗ nhỏ trên một mặt của bánh ma túy Heroine lấy ra một cục nhỏ ma túy Heroine và dùng một mảnh giấy màu trắng gói cục Heroine lại cầm trong tay. T dùng

một đoạn băng dính màu đen dán kín chỗ vừa khoét của bánh Heroine lại rồi cho vào trong 03 lớp túi nilon (ngoài cùng là túi nilon màu xanh, 02 túi nilon bên trong màu hồng); bánh Methamphetamine còn lại được để trong túi nilon màu xanh lá cây ban đầu. T cất giấu túi nilon màu xanh lá cây chứa 01 bánh Methamphetamine ở đồng củ dưới gầm nhà sàn; cất giấu túi nilon màu đỏ chứa 01 bánh Methamphetamine trong đồng rom cạnh tường bao, trong sân nhà và chôn 01 bánh Heroine được bọc kín bằng 03 lớp túi nilon dưới nền đất trong chuồng nuôi Gà. Còn gói nhỏ Heroine trích ra từ bánh Heroine Tiên cầm đi lên trên nhà sàn đến chỗ chiếc tủ kệ kê ở góc trong bên trái trong nhà sàn, lấy chiếc túi nilon màu trắng, miệng có dây rút có sẵn ở đó cho gói Heroine vào và cất ở ngăn giữa của chiếc tủ kệ, cất giấu ma túy xong, T cầm con dao Thái Lan đem ra ngoài đường và vứt đi.

Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho N qua ứng dụng Messenger báo đã tìm được mua ma túy và bảo N đến nhà lấy, N nói đang bận và hẹn chiều sẽ đến lấy. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, T lấy túi nilon màu xanh lá cây chứa bánh Methamphetamine từ trong đồng củ ra để dưới nền xi măng cạnh cột nhà và đứng dưới gầm nhà sàn đợi N đến. Một lúc sau, N điều khiển xe máy Honda Airblale biển kiểm soát 27B1-509.22 đến và dựng xe ở sân, N đi đến gặp T, T đi vào chỗ cột nhà lấy túi nilon màu xanh lá cây chứa 01 bánh ma túy Methamphetamine mang ra đưa cho N và nói giá của 01 bánh ma túy Methamphetamine là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). N nhận lấy túi nilon chứa 01 bánh ma túy Methamphetamine và bảo sẽ đem bánh ma túy Methamphetamine đi bán với giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), được lãi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thì hai người cùng chia đôi, mỗi người sẽ được hưởng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), còn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) N sẽ đưa cho T để trả cho người bán ma túy, Tiên đồng Ý. Sau đó, N cầm túi nilon màu xanh chứa 01 bánh ma túy Methamphetamine đi ra cho vào cốp xe máy rồi điều khiển đi về. Khi N đi ra khỏi nhà T khoảng 100 mét thì gặp tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Đ phối hợp cùng với Công an xã N yêu cầu dừng xe máy để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện thu giữ một túi nilon màu xanh lá cây chứa 01 bánh ma túy Methamphetamine có khối lượng: 527,52 gam trong cốp xe máy của N.

Căn cứ lời khai của Lò Thị N, cùng ngày Cơ quan điều tra đã khám xét nơi ở của Lương Văn T tại bản Phủ, xã T (xã N cũ), tỉnh Điện Biên, thu giữ bên trong ngăn giữa của chiếc tủ kệ kê ở góc bên trái trong nhà sàn 01 chiếc túi nilon màu trắng, miệng có dây rút bên trong chứa 01 gói Heroine có khối lượng: 0,3 gam bọc bằng giấy trắng. Cơ quan điều tra đã triệu tập Lương Văn T và mang số vật chứng thu giữ được nêu trên về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ làm việc. Quá trình làm việc, Lương Văn T đã khai nhận gói nhỏ ma túy Heroine thu giữ nêu trên là chất ma túy của Lương Văn T cất giấu để bán kiếm lời và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân phù hợp với lời khai của Lò Thị N; đồng thời Lương Văn T khai nhận còn cất giấu 02 bánh ma túy (gồm

01 bánh Methamphetamine và 01 bánh Heroine) và vẽ sơ đồ vị trí cất giấu của 02 bánh ma túy này cho Cơ quan điều tra.

Căn cứ vào lời khai của Lương Văn T, Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Văn T, phát hiện thu giữ được túi nilon màu đỏ chứa 01 bánh Methamphetamine có khối lượng: 508,26 gam trong đồng rom cạnh tường bao, trong sân nhà và 01 bánh ma túy Heroine có khối lượng: 242,06 gam Heroine được bọc kín trong 03 lớp túi nilon (ngoài cùng là lớp nilon màu xanh, bên trong là 02 lớp nilon màu hồng) được chôn dưới nền đất trong chuồng nuôi Gà của gia đình Lương Văn T. Lương Văn T khai nhận cất giấu 02 bánh ma túy này để bán kiếm lời. Ngày 17/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã khởi tố và bắt tạm giam đối với Lương Văn T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

* Tại bản Kết luận giám định số 447/KL-KTHS ngày 21/5/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ kết luận:

- *Mẫu gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Lương Văn T là chất ma túy loại: Heroine.*

- *Vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Lương Văn T có khối lượng 0,3gam là chất ma túy: Loại Heroine.*

- *Đã sử dụng hết mẫu gửi giám định.*

* Tại bản Kết luận giám định số 448/KL-KTHS ngày 21/5/2025 và Kết luận giám định số 831/KL-KTHS ngày 19/8/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ kết luận:

- *Khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Lò Thị N là chất ma túy, có khối lượng 527,52 gam Methamphetamine.*

* Tại bản Kết luận giám định số 450/KL-KTHS ngày 22/5/2025 và Kết luận giám định số 832/KL-KTHS ngày 19/8/2025 của Phòng K1, Công an tỉnh Đ kết luận:

- *Khối lượng vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Văn T là chất ma túy có khối lượng 242,06 gam Heroine và 508,26 gam Methamphetamine.*

Bản Cáo trạng số 63/CT-VKSĐB-P1 ngày 07/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lò Thị N, Lương Văn T để xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h, b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025; Bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản

4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Lò Thị N mức án 20 năm tù;

- Đề nghị áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 39; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Lường Văn T tù chung thân;

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định **tại khoản 5 Điều 251** Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 208,9gam Heroine (208,74 gam + 0,16 gam); 385,84 gam Methamphetamine thu giữ của Lường Văn T; 429,5gam Methamphetamine thu giữ của Lò Thị N, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định; 02 túi nilon màu xanh, đã cũ và qua sử dụng; 02 túi nilon màu hồng, đã cũ và qua sử dụng; 01 túi nilon màu đỏ đã cũ và qua sử dụng; 02 mảnh nilon trong suốt; 01 mảnh giấy chống ẩm màu trắng còn lại sau giám định dấu vết đường vân;

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C60, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T; 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lò Thị N; 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Unitel it9010, màu đen, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T;

- Trả lại cho Lò Thị N 01 căn cước công dân số 011170000108 tên Lò Thị N.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lò Thị N, Lường Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lò Thị N không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 để xem xét áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có cơ hội được sớm trở về với gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 để xem xét hình phạt phù hợp đối với bị cáo, để bị cáo có cơ hội được sớm trở về với gia đình và xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, không bổ sung gì đối với bản luận cứ bào chữa của người bào chữa; không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như hình phạt.

Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo trình bày, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Sáng ngày 12/5/2025 N điều khiển xe máy đến nhà T là thông gia với N, N bàn với T có một người khách muốn mua 01 bánh ma túy Methamphetamine với giá 40.000.000 đồng, Tiên đồng Ý đi tìm mua rồi mang về cho N đem đi bán kiếm lời, tiền lãi hai người chia đôi.

Khoảng 16 giờ ngày 14/5/2025, T đi xe máy đến khu vực bản N và dựng xe ở bờ suối rồi đi bộ ngược dòng suối, đi được 5km thì gặp C2 ở cạnh bờ suối, C2 bán cho T 01 bánh Heroine với giá 50.000.000 đồng và 02 bánh Methamphetamine mỗi bánh 20.000.000 đồng, T và C2 thống nhất số ma túy này C2 bán nợ cho T, khi nào T bán được ma túy có tiền sẽ trả. T nhận ma túy mang về nhà cất giấu.

Khoảng 13 giờ ngày 14/5/2025 T gọi cho N bằng ứng dụng Messenger đến nhận ma túy, N hẹn đến chiều sẽ lấy, vào khoảng 17 giờ N đến nhà T lấy 01 bánh Methamphetamine và thống nhất thỏa thuận với T sẽ bán với giá 40.000.000 đồng, được lãi 20.000.000 đồng thì hai người chia đôi, còn 20.000.000 đồng đem trả cho người bán nợ ma túy. N mang ma túy về đi được 100m thì bị tổ Công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an

tỉnh Đ phối hợp với Công an xã N kiểm tra, thu giữ 01 bánh Methamphetamine có khối lượng: **527,52 gam**.

Căn cứ vào lời khai của N Cơ quan điều tra đã khám xét và thu giữ tại nơi ở của T 0,3 gam Heroine và 01 bánh Methamphetamine có khối lượng 508,26 gam, 01 bánh Heroine có khối lượng 242,06 gam, mục đích cất giấu để bán kiếm lời.

Từ hành vi phạm tội trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lò Thị N, Lương Văn T đã thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 .

Bị cáo Lò Thị N đã có hành vi cất giấu, vận chuyển **527,52 gam** Methamphetamine với mục đích mang về để bán kiếm lợi nhuận thì hành vi của bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 .

Bị cáo Lương Văn T đã có hành vi cất giấu, vận chuyển 242,36 gam Heroine và phải chịu tổng khối lượng Methamphetamine thu giữ của T là 508,26 gam + 527,52 gam thu giữ của N = **1.035,78 gam** Methamphetamine. Tổng khối lượng hai chất ma túy **242,36 gam** Heroine + **1.035,78 gam** Methamphetamine = **1.278,14gam**, với mục đích mang về cất giấu để bán kiếm lợi nhuận thì hành vi của bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố đối với các bị cáo Lò Thị N, Lương Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Nguyên nhân, động cơ, mục đích các bị cáo N và T thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ việc các bị cáo háms lợi từ việc mua bán ma túy.

Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo N là người khởi sướng, bị cáo T là người thực hành cùng trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bán được cùng nhau chia đôi lợi nhuận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 để xem xét quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lò Thị Ngọc S ra và lớn lên tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Được đi học hết lớp 2/10 phổ thông. Năm 1991 kết hôn với Lò Văn N1, có 02 người con. Ngày 30/9/1998 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm 30/9/1998 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 24/7/2003 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 28 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 16/9/2003 bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (cũ) xét xử phúc thẩm xử Lò Thị N 28 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy (y án sơ thẩm). Ngày 29/02/2004, Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, thời hạn 12 tháng từ ngày 20/02/2004 đến 20/02/2005. Ngày 22/10/2004 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cộng hình phạt của bản án số 96/HSPT ngày 16/9/2003 mà bị cáo chưa thi hành là 16 tháng 11 ngày. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 52 tháng 11 ngày. Năm 2008 chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo đã được xoá án tích. Ngày 27/11/2015 bị Toà án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Năm 2018 chấp hành xong án phạt tù, với nhiều lần bị Toà án xét xử mặc dù bị cáo đã được xoá án tích nhưng thể hiện bị cáo có một nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lương Văn Tiên S1 ra và lớn lên tại xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Được đi học hết lớp 7/10 phổ thông. Năm 1990 kết hôn với chị Điều Thị T1 và sinh được 03 người con. Ngày 27/8/1997 bị Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu (cũ) xử phạt 19 năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 29/9/1999 Toà phúc thẩm Toà án nhân dân Tối Cao xử phạt 19 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (y án sơ thẩm). Ngày 01/9/2009 chấp hành xong án phạt tù. Ngày 29/11/2011 bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa được xoá án tích nay lại tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo Lương Văn T đã tự thú, tự khai ra nơi cất giấu ma túy và bị cáo còn có bố đẻ là ông Lương Văn Á được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba theo QĐ số 270 KT/CT ngày 09/5/1998 và là thương binh loại A, thương tật 45% giấy chứng nhận số 778 A/TC do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và khối lượng ma túy thì các bị cáo thực hiện hành vi mua bán là đặc biệt lớn, hành vi phạm tội là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 17, 38, 39, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025 xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hình phạt mang tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

Đối với đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo N và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo T về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, án phí. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại **Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015** được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại **khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự** đối với các bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 208,9gam Heroine (208,74 gam + 0,16 gam), 385,84 gam Methamphetamine thu giữ của Lường Văn T; 429,5gam Methamphetamine thu giữ của Lò Thị N, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định; 02 túi

nilon màu xanh, đã cũ và qua sử dụng; 02 túi nilon màu hồng, đã cũ và qua sử dụng; 01 túi nilon màu đỏ đã cũ và qua sử dụng; 02 mảnh nilon trong suốt; 01 mảnh giấy chống ẩm màu trắng còn lại sau giám định dấu vết đường vân;

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C60, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lương Văn T; 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lò Thị N; 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Unitel it9010, màu đen, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lương Văn T là những phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc để trao đổi mua, bán ma túy.

- Trả lại cho Lò Thị N 01 căn cước công dân số 011170000108 tên Lò Thị N.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn: Xám – Đen, số máy JF63E1768400, số khung 6301Z775378, biển kiểm soát 27B1-509.22, xe cũ đã qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên chủ xe: Lương Thị H, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đã trả cho Lương Thị H và chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave s, biển kiểm soát 27N1-031.08, màu sơn: Đen – xám, số máy JC43E1364633, số khung 431XAY124156, Cơ quan Cảnh sát Điều tra xác minh chủ sở hữu chiếc xe là của Lương Thị H, bị cáo T lấy xe của H để đi chở ma túy, H không biết nên đã không thu giữ chiếc xe này. HĐXX xét thấy, cả hai chiếc xe máy này đều là của Lương Thị H, H không biết bị cáo N và bị cáo T dùng vào việc phạm tội, do vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đã trả chiếc xe Honda Air Blade, biển kiểm soát 27B1-509.22 và đăng ký xe cho Lương Thị H đồng thời không thu giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave s, biển kiểm soát 27N1-031.08 xét thấy là phù hợp và được chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lò Thị N, Lương Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về các vấn đề khác:

- Người đàn ông bán ma túy và người đàn ông tên là C2 đã mang 03 bánh ma túy giao cho bị cáo T. Do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ của những người này. Cơ quan Điều tra không đủ cơ sở để điều tra làm rõ, nên không có căn cứ xử lý. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

- Quá trình điều tra, bị cáo T xác nhận số thuê bao điện thoại người đàn ông bán ma túy sử dụng là 0364731642, kết quả điều tra xác định chủ số thuê bao điện thoại là Vì Thị V, sinh ngày 18/5/2001, địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đã nhiều lần xác minh, triệu tập Vì Thị V đều không có mặt tại nơi cư trú, vì vậy sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với người đàn ông tên C1, người đặt mua 01 bánh ma túy Methamphetamine của bị cáo N. Do bị cáo không biết rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan Điều tra không đủ cơ sở để điều tra làm rõ, nên không có căn cứ xử lý. HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N, Lường Văn T đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lò Thị N 20 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/05/2025.

2.2. Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; ; Điều 17, 39, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lường Văn T tù chung thân.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 208,9gam Heroine (208,74 gam + 0,16 gam), 385,84 gam Methamphetamine thu giữ của Lường Văn T; 429,5gam Methamphetamine thu giữ của Lò Thị N, vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định; 02 túi nilon màu xanh, đã cũ và qua sử dụng; 02 túi nilon màu hồng, đã cũ và qua sử dụng; 01 túi nilon màu đỏ đã cũ và qua sử dụng; 02 mảnh nilon trong suốt; 01 mảnh giấy chống ẩm màu trắng còn lại sau giám định dấu vết đường vân;

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C60, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T; 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu ViVo, màu xanh, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lò Thị N; 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu Unitel it9010, màu đen, đã cũ và qua sử dụng thu giữ của Lường Văn T là những phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc để trao đổi mua, bán ma túy.

- Trả lại cho Lò Thị N 01 căn cước công dân số 011170000108 tên Lò Thị N.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 08/9/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

- Chấp nhận về việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ cho chủ sở hữu là Lường Thị H vào ngày 06/8/2025 gồm: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu sơn: Xám – Đen, số máy JF63E1768400, số khung 6301Z775378, biển kiểm soát 27B1-509.22, xe cũ đã qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên chủ xe: Lường Thị H

- Chấp nhận về việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave s, biển kiểm soát 27N1-031.08, màu sơn: Đen – xám, số máy JC43E1364633, số khung 431XAY124156, chủ sở hữu là của Lường Thị H.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lò Thị N, Lường Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Tối cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2025).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Vũ Thị Thanh Thủy